TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2025.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Vương Thị L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hiện nay đã về Việt Nam sinh sống và cư trú tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Vương Thị L trình bày:

Chị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đến năm 2022, anh N đi xuất khẩu lao động tại Ả rập Xê-út, chị L ở Việt Nam, từ đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 26/11/2017. Hiện nay chị L biết được anh N đã về Việt Nam để ổn định cuộc sống và có nguyện vọng được nuôi con chung nên chị L đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 26/11/2017 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh N và chị L kết hôn với nhau vào ngày 07/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Năm 2022, anh N đi xuất khẩu lao động tại Ả rập Xê-út đến ngày 14/4/2025 anh N về hẳn Việt Nam để ổn định cuộc sống và chăm sóc con. Do vợ chồng sống ly thân nhiều năm và hiện tại không còn tình cảm, chị L làm đơn yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 26/11/2017. Anh N đề nghị Toà án giao con chung cho anh N nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn N về Việt Nam, tuy nhiên khi thụ lý vụ án anh Nguyễn Văn N đang ở nước ngoài. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Vụ án Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà chị Vương Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Xét thấy, chị L và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn một thời gian, anh N đi xuất khẩu lao động tại Ả rập Xê-út nên hai vợ chồng sống xa nhau, không còn tình cảm với nhau. Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh N.

[2.2] Về con chung và nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 26/11/2017. Anh N có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, chị L đồng ý; cháu P trình bày nguyện vọng muốn sống cùng với anh N. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp

với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L thoả thuận chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 228; Điều 273; Điều 469; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vương Thị L và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao con chung Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 26/11/2017 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn N chưa yêu cầu chị Vương Thị L cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vương Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Vương Thị L phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003026441 ngày 21/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Số tiền còn lại 150.000 đồng trả cho chị Vương Thị Lệ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vương Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh